

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- a) Chủ đầu tư: Học viện Tài chính.
- b) Tên gói thầu: Gói số 01: Mua sắm tài sản năm 2025 tại Học viện Tài chính.
- c) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hành cạnh tranh qua mạng, trong nước.
- d) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- đ) Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- e) Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Học viện Tài chính.
- f) Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- g) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- h) Địa điểm cung cấp:
 - Học viện Tài chính: Số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu phải cung cấp đúng, đủ chủng loại và khối lượng hàng hoá nêu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa của E-HSMT.
- Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở về sau còn nguyên đai, nguyên kiện đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đầy đủ model, ký mã hiệu, hãng sản xuất và CO (chứng nhận xuất xứ), CQ (chứng nhận chất lượng) (nếu có).
- Nhà thầu phải cung cấp Catalogue của nhà sản xuất hoặc tài liệu của nhà sản xuất trong đó thể hiện đầy đủ đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT (*trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc tài liệu để chứng minh*).

- Nhà thầu phải có Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật trong đó thể hiện chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu. Trong trường hợp không có sự thống nhất giữa Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật và Catalogue của nhà sản xuất thì Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu là cơ sở để đánh giá hồ sơ dự thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu chứng minh với nội dung đã tuyên bố đáp ứng. Nếu nhà thầu không làm rõ E-HSDT hoặc làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh mà không chứng minh được nội dung đã tuyên bố đáp ứng kỹ thuật thì nhà thầu sẽ được đánh giá là không đạt tại nội dung “Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ”.

- Hàng hóa chào thầu phải được bảo hành tối thiểu 12 tháng đối chiếu với thời gian bảo hành theo quy định của Hãng để Chủ đầu tư sẽ chọn mức thời gian bảo hành dài nhất.

- Cam kết phụ tùng thay thế chính hãng: ≥ 1 năm (nếu CĐT có yêu cầu)

- Thời gian khắc phục sự cố, sửa chữa tối đa 48 giờ kể từ khi Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng. Trong trường hợp Nhà thầu không cử cán bộ kỹ thuật đến để kiểm tra khắc phục theo thời gian trên thì phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, khắc phục sự cố, sửa chữa khi chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng thuê bên thứ ba thực hiện công việc trên.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương
1	<i>Âm ly kèm trộn 120W</i>	Nguồn điện: 230 VAC, $\pm 10\%$, 50Hz/60Hz Điện áp tiêu thụ: 10A Công suất tiêu thụ: 400VA • Đáp tuyến tần số: 50Hz~20KHz • Độ méo tiếng: $<1\%$ • Tùy chỉnh âm sắc: Bass, treble -12dB/ +12dB • Công kết nối RJ-45: 1 • Ngõ vào Line/ Microphone: 4 • Độ nhạy: 1mV • Dải điện động: 93dB • Tỉ lệ S/N: $>75\text{dB}$ • Công suất định mức: 120W • Công suất tối đa: 180W
2	<i>Máy photocopy</i>	+ TÍNH NĂNG CHÍNH: Copy, Print, Scan - Thời gian khởi động: 18.8 giây - Thời gian in bản đầu tiên: 2,3 giây - Tốc độ in: 60 trang/phút - Bộ nhớ máy: 2 GB - Bộ nhớ màn hình: 2 GB - Ổ cứng: HDD 320 GB - Bảng điều khiển: Màn hình cảm ứng SOP 10.1 inch, chạy hệ điều hành Android

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương
		- Nguồn điện: 220-240 V, 50-60 Hz + CHỨC NĂNG IN: - Loại CPU: Intel® Atom Processor ApolloLake-l 1.36GHz (hoặc tương đương) - Ngôn ngữ in: Chuẩn : PCL5c, PCL6, PDF Direct (emulation) - Độ phân giải in: Tối đa 1,200 x 1,200 dpi - Kết nối mạng: Chuẩn: Ethernet 10 base-T/100 base-TX/1000 base-T, USB Host I/F Type A, USB Device I/F Type B (hoặc tương đương) - Hệ điều hành Windows hỗ trợ: Windows® 8.1, Windows® 10, Windows® Server 2012, Windows® Server 2012 R2, Windows® Server 2016, Windows® Server 2019 - Hệ điều hành Mac hỗ trợ: Macintosh OS X v10.13 or later - Hệ điều hành UNIX hỗ trợ: UNIX Sun® Solaris, HP-UX, SCO OpenServer, RedHat® Linux, IBM® AIX, Citrix XenApp (7.6 LTRS, 7.15 LTRS , VirtualApps / Desktops 71912 LTRS and later) - Hệ điều hành SAP hỗ trợ: SAP® R/3® , SAP® S/4® - Các môi trường khác: NDPS Gateway AS/400 using OS/400 Host Print Transform + CHỨC NĂNG SCAN: - SPDF: Có - Dung lượng chứa của khay SPDF: 220 tờ - Tốc độ scan: 120 trang/phút một mặt (simplex), 240trang /phút 2 mặt (duplex) 200dpi - Độ phân giải: Tối đa lên đến 600 dpi. - Định dạng tập tin gửi: TIFF một trang (Mở nén, tắt nén) , JPEG một trang , PDF một trang, PDF một trang nén cao, PDF/A một trang , TIFF nhiều trang , PDF nhiều trang, PDF nhiều trang nén cao, PDF/A nhiều trang. - Tiện ích Scan: Hỗ trợ xóa trang trắng - Scan và gửi đến: Email, USB, SD Card, URL, FTP, SMB. + XỬ LÝ GIẤY - Khổ giấy đề xuất: Khay 1 : A3, A4, A5, A6, B4, B5, B6, phong bì thư; Khay 2 : A3, A4, A5, A6, B4, B5, B6, phong bì thư; Khay tay : A3, A4, A5, A6, B4, B5, B6, phong bì thư, kích thước giấy tùy chỉnh . - Dung lượng giấy đầu vào: Tiêu chuẩn: 1.200 tờ (khay 550 tờ x 2 , khay tay : 100 tờ) - Dung lượng giấy đầu ra: Tiêu chuẩn: 500 tờ - Định lượng giấy: Khay chuẩn : 60 - 300 g/m²; Khay tay

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương
		: 52 - 300 g/m²; Đảo mặt : 52 - 256 g/m². - Loại giấy: Giấy trơn thường , Giấy tái chế, Giấy đặc biệt, Giấy màu, Giấy viết thư, Giấy bìa cứng, Giấy in sẵn, Giấy bond, Giấy phủ, Bì thư, Giấy nhãn, OHP. + ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ: - Mức tiêu thụ điện: Tối đa: 1,780 W; Chế độ vận hành : 821 W; Chế độ chờ: 64.7 W; Chế độ nghỉ: 0.57 W; - TEC: 0.74 kWh / tuần.
3	<i>Điều hòa âm trần inverter 2 chiều 48.000BTU</i>	- Điều hoà 2 chiều, loại Inverter âm trần thổi đa hướng hai chiều. Công suất 48.000BTU. Gas R32 - 2 chiều Inverter, ga R32 - Âm trần đa hướng thổi loại cao cấp. - Công suất làm lạnh 14.0kW ~ 47,800BTU. - Công suất sưởi 16.0kW ~ 54,600BTU. - Công suất điện tiêu thụ làm lạnh: 4.21kW. - Công suất điện tiêu thụ sưởi: 4.75kW - Lắp đặt và phụ kiện: giá treo, giá đỡ, ống đồng, bảo ôn, áp tô mát, dây điện, ống nước ... đủ cho việc lắp đặt có khoảng cách giữa dàn nóng và dàn lạnh trong khoảng 30 mét.
4	<i>Điều hòa âm trần inverter 2 chiều 34.000BTU</i>	- Điều hoà 2 chiều, loại Inverter âm trần thổi đa hướng hai chiều. Công suất 36.000BTU. Gas R32 - 2 chiều Inverter, ga R32 - Âm trần đa hướng thổi loại cao cấp. - Công suất làm lạnh 10.0kW ~ 34,100BTU. - Công suất sưởi 11.2kW ~ 38,200BTU. - Công suất điện tiêu thụ làm lạnh: 3.06kW. - Công suất điện tiêu thụ sưởi: 2.90kW - Lắp đặt và phụ kiện: giá treo, giá đỡ, ống đồng, bảo ôn, áp tô mát, dây điện, ống nước ... đủ cho việc lắp đặt có khoảng cách giữa dàn nóng và dàn lạnh trong khoảng 30 mét.
5	Điều hoà inverter 1 chiều 24.000BTU	Loại máy: 1 chiều (chỉ làm lạnh) có Inverter – Gas R32 Công suất làm lạnh: 6,45kW - 22.000 BTU/h (3.500-24.500) Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Siêu thấp): 47/41/37/32 dB Lọc bụi, kháng khuẩn, khử mùi: Màng lọc sơ cấp; Màng lọc bụi mịn PM 2.5 Tính năng thông minh: Kiểm soát điện năng tiêu thụ; Cảm biến phát hiện cửa sổ mở; Đóng băng làm sạch; Điều khiển từ xa Wifi. Tiêu thụ điện: 2.060W (Hiệu suất năng lượng 5.46) - Lắp đặt và phụ kiện: giá treo, giá đỡ, ống đồng, bảo ôn, áp tô mát, dây điện, ống nước ... đủ cho việc lắp đặt có khoảng cách giữa dàn nóng và dàn lạnh trong khoảng 20

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương
		mét.
6	Điều hoà inverter 1 chiều 18.000BTU	Loại máy: 1 chiều (chỉ làm lạnh) có Inverter – Gas R32 Công suất làm lạnh: 5,30kW - 18.100 BTU/h (3.200-20.500) Độ ồn (Cao / Trung bình / Thấp / Siêu thấp): 45 / 40 / 37 / 32 dB Lọc bụi, kháng khuẩn, khử mùi: Màng lọc sơ cấp; Màng lọc bụi mịn PM 2.5 Tính năng thông minh: Kiểm soát điện năng tiên thụ; Cảm biến phát hiện cửa sổ mở; Đóng băng làm sạch; Điều khiển từ xa Wifi. Tiêu thụ điện: 1.760W (Hiệu suất năng lượng 5.07) - Lắp đặt và phụ kiện: giá treo, giá đỡ, ống đồng, bảo ôn, áp tô mát, dây điện, ống nước ... đủ cho việc lắp đặt có khoảng cách giữa dàn nóng và dàn lạnh trong khoảng 20 mét.
7	Bàn, ghế cho sinh viên hệ định hướng chứng chỉ quốc tế	
7.1	Bàn cho sinh viên hệ định hướng chứng chỉ quốc tế	- Kích thước: 1200 X 450 X 757 mm - Chân bàn: Thép oval 25 x 50 x 1.6 mm và 30 x 55 x 1.2 mm. - Bề mặt hoàn thiện sơn bột tĩnh điện màu bạc. - Móc treo bằng thép đặc Ø5, Bề mặt hoàn thiện sơn bột tĩnh điện màu bạc. - Hộc bàn: Chất liệu thép tròn đặc Ø6, thép tấm dày 1,5mm có đục lỗ trang trí. Bề mặt hoàn thiện sơn bột tĩnh điện màu bạc. - Mặt bàn: Chất liệu ván dăm dày 25mm bề mặt hoàn thiện phủ laminate cường độ cao ở cả bốn cạnh - Tấm chắn trước bàn: Thép tấm đục lỗ dày 1,5mm. Bề mặt hoàn thiện sơn bột tĩnh điện màu đen - Nút bịt nhựa, chân tăng M8 nhựa đúc màu ghi.
7.2	Ghế cho sinh viên hệ định hướng chứng chỉ quốc tế	- Ghế hội trường chân tĩnh khung thép ống mạ. - Kích thước: 510-520 x 409-505 x 470-820 mm - Mặt ngồi và lưng nhựa chống chầy xước, dễ dàng vệ sinh. Mặt ngồi có đệm bọc vải nỉ. - Mặt ngồi, mặt lưng: Chất liệu nhựa tổng hợp được gia công bằng phương pháp đúc khuôn, phần lưng có khoang hở tạo độ thông thoáng cho lưng người ngồi. - Chân ghế thép ống tròn Ø12,7 mm dày 1,4mm uốn định hình, bề mặt hoàn thiện mạ. - Chân đế chất liệu bằng nhựa đúc bề mặt hoàn thiện.

Ghi chú:

- Bất kỳ tên thiết bị, thương hiệu, ký mã hiệu, xuất xứ, nhà sản xuất (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để tham khảo, minh họa các đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương nêu trên. Tương đương được hiểu là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.

- Các hàng hóa, thiết bị được vận chuyển lắp đặt tại địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đầy đủ CO, CQ theo quy định.

- Nếu được công nhận trúng thầu: Nhà thầu cung cấp Tài liệu chứng minh chất lượng (CQ), nguồn gốc xuất xứ (CO) theo quy định của pháp luật; Cung cấp bộ chứng từ nhập khẩu gồm: Tờ khai hải quan, invoice, packing list, vận đơn vận chuyển và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa (nếu có) khi bàn giao thiết bị.

- Nhà thầu phải cung cấp thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất và đầy đủ model, ký mã hiệu, hãng sản xuất.

- Nhà thầu phải cung cấp Catalogue của nhà sản xuất hoặc tài liệu của nhà sản xuất trong đó thể hiện đầy đủ đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu của E-HSMT (trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc tài liệu để chứng minh).

- Nhà thầu phải có Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong đó thể hiện chi tiết tên hàng hóa, xuất xứ, hãng sản xuất, ký mã hiệu, nhãn mác, các đặc tính kỹ thuật chủ yếu của hàng hóa dự thầu. Trong trường hợp không có sự thống nhất giữa Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật và Catalogue của nhà sản xuất thì Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu là cơ sở để đánh giá hồ sơ dự thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu chứng minh với nội dung đã tuyên bố đáp ứng. Nếu nhà thầu không làm rõ E-HSDT hoặc làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh mà không chứng minh được nội dung đã tuyên bố đáp ứng kỹ thuật thì nhà thầu sẽ được đánh giá là không đạt tại nội dung "1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ".

- Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu nộp kèm tài liệu là catalogue hoặc đường dẫn đến link của hãng để chứng minh thông số kỹ thuật của sản phẩm kèm theo E-HSDT. Trường hợp tài liệu không thể hiện đầy đủ thông số chào thầu, nhà thầu phải nộp kèm xác nhận Thông số kỹ thuật của Hãng sản xuất cho sản phẩm chào thầu.

- Máy photocopy có chức năng in màu phải được đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Hàng hoá được đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

- Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra hàng hóa, phụ kiện và tài liệu đi kèm theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong Hồ sơ dự thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra hàng hóa, phụ kiện và tài liệu đi kèm theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong Hồ sơ dự thầu trước lắp đặt, cụ thể: Kiểm tra nhãn mác, mã hiệu của hàng hóa; Kiểm tra quy cách đóng gói, bảo quản của hàng hóa; Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa thông qua các giấy tờ liên quan; Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tiến hành kiểm tra thông tin trên các giấy tờ CO, CQ của từng hàng hóa. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật như bảng phạm vi cung cấp của gói thầu. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Tiến hành kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận xuất xưởng. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật như bảng phạm vi cung cấp của gói thầu và các nội dung kiểm tra khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hàng hóa trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành.